TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/HN-ST
Ngày: 02-8-2024
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Công Luận

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

- **Thư ký phiên tòa**: bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2024/TLST –HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn N, xã K, huyện L, tỉnh L1 (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Mai Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp P, xã Châu Hòa, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày:

Chị và anh Mai Ngọc T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh B vào ngày 05/5/2011.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên chung sống hoà hợp, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hai bên nảy sinh mâu thuẫn. Tuy sống chung một nhà nhưng không còn nói chuyện và quan tâm lẫn nhau, không khí trong gia đình rất ngột ngạt, căng thẳng. Mặc dù hai bên đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện nhằm giải quyết những bất đồng, mâu thuẫn nhưng vẫn không thể hoà hợp với nhau. Từ tháng

01/2018, mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trở nên trầm trọng. Từ tháng 6/2018 đến nay, do không thể hoà hợp với nhau nên chị và anh T đã sống ly thân.

Hiện chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh T. Con chung là Mai Hoàng N, sinh ngày 16/5/2012 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Mai Ngọc T trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Đ kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh B vào ngày 05/5/2011.

Sau khi kết hôn, hai bên sinh sống tại nhà mẹ ruột của anh tại ấp P, xã C, huyện G, tỉnh B. Thời gian đầu, hai bên chung sống bình thường. Đến năm 2017, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị Đ muốn anh về bên gia đình vợ sinh sống, làm nghề than nhưng anh không đồng ý, do anh còn mẹ già, công việc đang ổn định. Từ đó, chị Đ chểnh mảng trong công việc, không muốn làm việc nhà, thường xuyên cằn nhằn nên hai bên xảy ra bất hoà, chị Đ về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Lạng Sơn sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, thời gian đầu, hai bên còn liên lạc qua điện thoại. Nhưng từ năm 2020 đến nay, hai bên ngừng liên lạc, gia đình hai bên cũng không có ý kiến.

Nay anh nhận thấy hai bên không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đồng ý ly hôn với chị Đ. Con chung là Mai Hoàng N sinh ngày 16/5/2012 hiện ở với chị Đ. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

* *Tại phiên tòa:*

Chị Hoàng Thị Đ, anh Mai Ngọc T vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thủ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án, không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn chị Đ chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: căn cứ quy định tại các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Đ.

+ Về hôn nhân: chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Mai Ngọc T.

+ Về con chung: giao cháu Mai Hoàng N sinh ngày 16/5/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ, bị đơn anh Mai Ngọc T vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ và bị đơn anh Mai Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh B vào ngày 05/5/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị Đ cho rằng do bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp nên hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Vì hạnh phúc gia đình hai bên cũng đã tạo điều kiện hoà giải, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do hai bên không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Bị đơn anh T cũng xác định do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay; hiện hai bên không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với chị Đ. Chị Đ, anh T đều vắng mặt tại phiên toà và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Qua đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Mai Hoàng N sinh ngày 16/5/2012. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị Đ, anh T sống ly thân, con chung do chị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống đã ổn định. Tại bản tự khai ngày 13/5/2024, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Quá trình tố tụng, anh T cũng không tranh chấp nuôi con. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị Đ là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: chị Đ không yêu cầu giải quyết, anh T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị Đ, anh T khai không có.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Hoàng Thị Đ phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Mai Ngọc T.

2/- Con chung: Mai Hoàng N sinh ngày 16/5/2012.

Giao Mai Hoàng N sinh ngày 16/5/2012 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, N vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung: chị Đ không yêu cầu giải quyết, anh T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4/- Nợ chung: chị Đ, anh T khai không có.

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Hoàng Thị Đ phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005216 ngày

14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã C,
(G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các hội thẩm nhân dân	Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
	Đặng Thị Ngọc Duyên

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỈNH B

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 02 tháng 8 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Công Luận
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2024/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn Nà Lùng, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Mai Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp P, xã Châu Hòa, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Mai Ngọc T.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2/- Con chung: Mai Hoàng N sinh ngày 16/5/2012.

Giao Mai Hoàng N sinh ngày 16/5/2012 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, N vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

3/- Tài sản chung: chị Đ không yêu cầu giải quyết, anh T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

4/- Nợ chung: chị Đ, anh T khai không có.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Hoàng Thị Đ phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005216 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc lúc 14 giờ 50 phút ngày 02/8/2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Duyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay, vào hồi …………giờ …. phút, ngày ….tháng …. năm 2024.

Tại: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện G

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán

* Bên nhận: …………………………………………….- ……………Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

Tiến hành giao nhận: Bản án số 126/2024/HN-ST ngày 02/8/2024 của TAND huyện G (Hoàng Thị Đ – Mai Ngọc T).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào hồi ……. giờ …….. phút cùng ngày.

Người giao	Người nhận
Đặng Thị Ngọc Duyên	,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,